

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2022/DS-ST.
Ngày: 29-8-2022.
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hiếu;
2. Ông Nguyễn Văn Ngoãn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2022/QĐST - DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lưu Minh P, sinh ngày 01/01/1990.

Địa chỉ: Số 8/1, ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Hồng V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2.2. Bà Phạm Thị Hà X, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 330/11, ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Lưu Minh P trình bày:*

Nguyên vào năm 2019 ông có mở một số dây hụi do ông làm chủ hụi, khi mở hụi vợ chồng ông Lê Hồng V và bà Phạm Thị Hà X có tham gia làm thành viên ở các dây cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Loại hụi 500.000đồng mở ngày 16/5/2019 âm lịch (18/6/2019 dương lịch), hụi mãn ngày 18/11/2020, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 19 chung, vợ chồng ông V và bà X tham gia 01 chung. Sau khi tham gia ông V và bà X đã hốt chung hụi này, ông đã giao tiền hụi cho ông V bà X. Sau khi hốt hụi ông V đóng lại hụi chết được tổng cộng 08 lần thì ngưng đóng hụi cho đến nay. Dây hụi này ông V và bà X còn thiếu hụi chết là 11 lần = 5.500.000đồng, ông đã đóng thay cho ông V, bà X.

Dây thứ hai: Loại hụi 500.000đồng mở ngày 16/5/2019 âm lịch (18/6/2019 dương lịch), hụi mãn ngày 18/11/2020, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 19 chung, vợ chồng ông V và bà X tham gia 01 chung. Sau khi tham gia ông V và bà X đã hốt chung hụi này, ông đã giao tiền hụi cho ông V bà X. Sau khi hốt hụi ông V đóng lại hụi chết được tổng cộng 08 lần thì ngưng đóng hụi cho đến nay. Dây hụi này ông V và bà X còn thiếu hụi chết là 11 lần = 5.500.000đồng, ông đã đóng thay cho ông V, bà X.

Dây thứ ba: Loại hụi 500.000đồng mở ngày 26/8/2019 âm lịch (24/9/2019 dương lịch), hụi mãn ngày 07/4/2021, mỗi tháng khai một, dây hụi có 19 chung, ông V và bà X tham gia 01 chung. Sau khi tham gia ông V, bà X đã hốt chung hụi này, ông đã giao đủ tiền cho ông V và bà X. Sau khi hốt hụi ông V, bà X đóng hụi chết được 05 lần thì ngưng đóng cho đến nay. Dây hụi này ông V và bà X còn thiếu hụi chết là 14 lần = 7.000.000đồng, ông đã đóng thay cho ông V, bà X.

Dây thứ tư: Loại hụi 500.000đồng mở ngày 26/8/2019 âm lịch (24/9/2019 dương lịch), hụi mãn ngày 07/4/2021, mỗi tháng khai một, dây hụi có 19 chung, ông V và bà X tham gia 01 chung. Sau khi tham gia ông V, bà X đã hốt chung hụi này, ông đã giao đủ tiền cho ông V và bà X. Sau khi hốt hụi ông V, bà X đóng hụi chết được 05 lần thì ngưng đóng cho đến nay. Dây hụi này ông V và bà X còn thiếu hụi chết là 14 lần = 7.000.000đồng, ông đã đóng thay cho ông V, bà X.

Dây thứ năm: Loại hụi 1.000.000đồng mở ngày 02/9/2019 âm lịch (30/9/2019 dương lịch), hụi mãn ngày 15/12/2020, mỗi tháng khai hụi một lần, dây hụi có 16 chung, ông V và bà X tham gia 02 chung. Sau khi tham gia ông V và bà X đã hốt hết hai chung hụi, ông đã giao đủ tiền hụi cho ông V bà X. Sau khi hốt hụi ông V đóng lại hụi chết thêm được 04 lần thì ngưng đóng cho đến nay. Dây hụi này ông V và bà X còn thiếu hụi chết là 10 lần x 2.000.000đồng = 20.000.000đồng, ông đã đóng thay cho ông V, bà X.

Vì vậy, ông Lưu Minh P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Hồng V và bà Phạm Thị Hà X có trách nhiệm cùng liên đới trả lại cho ông tổng số tiền là 45.000.000đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn là ông Lê Hồng V và bà Phạm Thị Hà X vắng mặt không có ý kiến phản đối cũng không có yêu cầu phản tố.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên câu các bị đơn phải cùng liên đới trả số tiền nợ hui của 05 dây hui trên với tổng số tiền là 45.000.000đồng.

Tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”; “.... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...” và “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy các bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của các bị đơn mà đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hui với mục đích tương trợ, có

hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy nhiên, hiện nay các dây hui mà các bị đơn tham gia do nguyên đơn làm đầu thảo, các bị đơn đã hốt hui nhưng không đóng hui chết cho nguyên đơn, nguyên đơn phải đóng thay cho các bị đơn gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì các bị đơn đã hốt hui và có cam kết đóng hui chết đúng theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện đúng cam kết thì đầu thảo (nguyên đơn) có quyền khởi kiện. Do các bị đơn không phản đối nên yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải cùng liên đới thanh toán số tiền hui còn nợ của các dây hui trên là 45.000.000đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hui, biêu, phưong;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hui, biêu, phưong;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Minh P.

Buộc ông Lê Hồng V và bà Phạm Thị Hà X cùng liên đới có trách nhiệm trả cho ông Lưu Minh P 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền nợ hui.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Lưu Minh P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Hồng V và bà Phạm Thị Hà X phải cùng liên đới trả

số tiền lãi suất cho ông Lưu Minh P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Hồng V và bà Phạm Thị Hà X phải cùng liên đới chịu 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lưu Minh P không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lưu Minh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009826 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH